

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Công Ty Cổ Phần Vật Tư Bến Thành là Công ty cổ phần được thành lập theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103002310 ngày 13 tháng 05 năm 2004 do Sở Kế Hoạch và Đầu Tư Tp.HCM cấp. đăng ký thay đổi lần thứ 3 vào ngày 20 tháng 07 năm 2009.

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 VND, trong đó cổ đông nhà nước chiếm tỷ lệ 34%.

Trụ sở chính: 200-202-204 Lý Tự Trọng, Phường Bến Thành, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Kinh doanh xuất nhập khẩu, dịch vụ, thương mại, xây dựng.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty:

Kinh doanh xuất nhập khẩu các mặt hàng gia dụng, lương thực, thực phẩm, kim khí điện máy, thiết bị phụ tùng, công nghệ phẩm, vật liệu xây dựng, chất đốt, khí hoá lỏng, phân bón, vật tư nông lâm ngư nghiệp, sắt thép, hoá chất (trừ hoá chất có tính độc hại mạnh), nhựa, vải sợi, giấy các loại, dịch vụ uỷ thác xuất nhập khẩu. Sản xuất, gia công các loại vật tư, nguyên liệu phục vụ cho sản xuất và tiêu dùng (không tái chế phế thải giấy, nhựa, kim loại và xi mạ điện tại trụ sở).

Đại lý mua bán ký gửi hàng hoá, đại lý kinh doanh xăng dầu.

Cho thuê mặt bằng văn phòng, nhà ở.

Xây dựng công trình công nghiệp, dân dụng, xây dựng cơ sở hạ tầng khu công nghiệp - đô thị.

Mua bán nhà, kinh doanh vận chuyển hàng hoá, hành khách bằng ô tô theo hợp đồng, dịch vụ cho thuê xe, bán buôn ô tô đầu kéo.

4. Tổng số nhân viên

Tổng số nhân viên của Công ty là 73 người.

Trong đó: *Nhân viên quản lý là 17 người.*

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Niên độ kế toán

Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng

Đồng Việt Nam được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hệ thống chế độ kế toán Việt nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ/BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài Chính Việt Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán theo quy định của Nhà nước Việt Nam về chế độ kế toán, chuẩn mực kế toán Việt Nam; phù hợp với những chuẩn mực kế toán quốc tế và những thông lệ kế toán được Nhà nước Việt Nam thừa nhận.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong Bản Thuyết Minh Báo Cáo Tài Chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu qui định tại Chuẩn mực số 21 - Trình bày Báo Cáo Tài Chính.

Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính, tình hình và kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp. Để đảm bảo yêu cầu trung thực và hợp lý, các báo cáo tài chính đã lập và trình bày trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành.

3. Hình thức kế toán

Công ty sử dụng hình thức: Nhật ký chứng từ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn gốc không quá ba tháng, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Nguyên tắc và phương pháp chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán: Các nghiệp vụ phát sinh bằng các đơn vị tiền tệ khác với Đồng Việt Nam (VND) được quy đổi theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Các khoản mục tiền tệ và công nợ có gốc ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá qui định tại ngày kết thúc niên độ kế toán. Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá đã thực hiện và chưa thực hiện được kết chuyển vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: Dựa vào đánh giá của Hội đồng quản trị hoặc Ban giám đốc về các khoản nợ có dấu hiệu không có khả năng thu hồi hoặc dựa vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ.

3. Chính sách kế toán hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho: Hàng tồn kho được tính theo giá gốc trừ (-) bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại trừ (-) trừ dự phòng giảm giá hàng tồn kho và dự phòng cho hàng lỗi thời.

- Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Thực tế đích danh.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Kê khai thường xuyên.

- Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập cho phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản suy giảm trong giá trị (do giảm giá, kém phẩm chất, lỗi thời v.v.) có thể xảy ra đối với vật tư, thành phẩm, hàng hoá tồn kho thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp dựa trên bằng chứng hợp lý về sự suy giảm giá trị vào thời điểm lập bảng cân đối kế toán. Số tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm giá mua và những chi phí có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào hoạt động như dự kiến. Các khoản chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo hành và đại tu thường ghi nhận vào báo cáo hoạt động kinh doanh tại thời điểm phát sinh chi phí. Trong trường hợp các khoản chi phí này thể hiện rõ sẽ mang lại thêm lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên trạng thái hoạt động được đánh giá ban đầu thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình. Khi tài sản được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do thanh lý tài sản đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Phương pháp khấu hao tài sản cố định: khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của các tài sản trong phạm vi Quyết định 206/2003/QĐ/BTC ngày 12/12/2003 của Bộ Tài Chính

Thời gian hữu dụng ước tính cho các nhóm tài sản như sau:

<i>Loại tài sản</i>	<i>Năm sử dụng</i>
Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc thiết bị	03 - 07
Phương tiện vận tải	06 - 10

5. Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi phí mua sắm, xây dựng cao ốc văn phòng Công ty và thể hiện theo nguyên giá. Không tính hao mòn trong giai đoạn xây dựng.

6. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản phải đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn do việc sử dụng bất động sản đầu tư vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn đã được đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Khấu hao bất động sản đầu tư được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính: 10-20 năm

7. Kế toán các khoản đầu tư tài chính

7.1 Nguyên tắc ghi nhận khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn

Đầu tư chứng khoán ngắn hạn, dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư ngắn hạn, dài hạn được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của chứng khoán đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc.

7.2 Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư khác : Các khoản đầu tư khác được thể hiện theo nguyên giá, bao gồm giá mua cộng các chi phí mua phát sinh liên quan.

7.3 Phương pháp lập dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi Ban Giám đốc cho rằng việc giảm giá này không mang tính tạm thời.

8. Nguyên tắc vốn hoá các khoản chi phí đi vay

- Nguyên tắc vốn hóa các khoản chi phí đi vay: Chi phí vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ điều kiện quy định trong chuẩn mực Chi phí lãi vay. Chi phí đi vay được vốn hoá trong kỳ không được vượt quá tổng số chi phí đi vay phát sinh trong kỳ đó.

- Tỷ lệ vốn hóa chi phí đi vay được sử dụng để xác định chi phí đi vay được vốn hóa trong kỳ: được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ của doanh nghiệp, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích có một tài sản dở dang.

9. Ghi nhận các khoản chi phí trả trước dài hạn

Phản ánh các khoản chi phí công cụ dụng cụ, thiết bị quản lý ... thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan tới hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều niên độ kế toán nên chưa thể tính hết vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ này mà được tính cho hai đến nhiều niên độ kế toán tiếp theo. Thời gian phân bổ cho các khoản chi phí này từ 1 đến 3 năm.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về các khoản chi phí lãi vay, tiền thuê đất ... phát sinh trong kỳ.

11. Nguyên tắc ghi nhận Vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu ngân quỹ.

Vốn khác của chủ sở hữu: được ghi nhận theo giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản nhận được do biếu, tặng, sau khi trừ đi thuế phải nộp liên quan đến các tài sản này.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Cổ phiếu ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế số cổ phiếu do công ty phát hành sau đó mua lại được trừ vào vốn chủ sở hữu của Công ty. Công ty không ghi nhận các khoản lãi/(lỗ) khi mua, bán, phát hành các công cụ vốn chủ sở hữu của mình.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối: được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc trích lập các khoản dự trữ, các quỹ từ lợi nhuận sau thuế: Căn cứ vào Điều lệ của Công ty và Quyết định của Hội Đồng Quản Trị.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu

12.1 Doanh thu bán hàng

Khi bán hàng hóa, thành phẩm, doanh thu được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu hàng hoá đó được chuyển giao cho người mua và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

12.2 Doanh thu cho thuê tài sản

Doanh thu cho thuê tài sản được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê.

12.3 Doanh thu cung cấp dịch vụ

Khi cung cấp dịch vụ, doanh thu được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền và chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì việc xác định doanh thu trong từng kỳ được thực hiện căn cứ vào tỷ lệ hoàn thành dịch vụ tại ngày kết thúc năm tài chính.

12.4 Doanh thu hoạt động tài chính

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được ghi nhận khi công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch. Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất từng kỳ. Cổ tức và lợi nhuận được chia, được ghi nhận khi công ty được quyền nhận lợi nhuận hay được quyền nhận cổ tức từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận các khoản Chi phí Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên lợi nhuận (lỗ) của năm hiện hành bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuế thu nhập hiện hành: là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất và các luật thuế có hiệu lực đến ngày lập bảng cân đối kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: được xác định cho các khoản chênh lệch tạm thời tại ngày lập bảng cân đối kế toán giữa cơ sở tính thuế thu nhập của các tài sản và nợ phải trả và giá trị ghi sổ của chúng cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và phải giảm giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập hoãn lại đến mức bảo đảm chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc niên độ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh liên quan đến một khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, trong trường hợp này, thuế thu nhập hoãn lại cũng được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Doanh nghiệp chỉ bù trừ các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả khi doanh nghiệp có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế và doanh nghiệp dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Theo quy định hiện hành, số liệu thuế sẽ được cơ quan thuế quyết toán. Các khoản chênh lệch giữa số thuế theo quyết toán thuế và khoản dự trừ thuế (nếu có) sẽ được điều chỉnh ngay sau khi có kết quả quyết toán thuế.

14. Các bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền mặt tại quỹ	291 516 833	71 537 857
Tiền gửi Ngân hàng	6 028 799 784	6 231 927 495
- Tiền gửi bằng Việt Nam đồng	5 892 955 332	6 087 671 145
- Tiền gửi bằng USD	7.610,66 USD #	135 572 293
- Tiền gửi bằng EUR	11,00 EUR #	272 159
Tiền đang chuyển		-
Tổng cộng	6 320 316 617	6 303 465 352

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	30 346 930 000	6 000 000 000
Cộng	30 346 930 000	6 000 000 000
Trừ dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (-)	-	-
Tổng cộng	30 346 930 000	6 000 000 000

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

3. Các khoản phải thu ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Phải thu khách hàng		
Khách hàng trong nước		
Cửa Hàng Vật Tư Số 1	5 748 469 501	825 421 000
Cửa Hàng Vật Tư Số 2	1 793 449 535	3 176 139 103
Cửa Hàng Vật Tư Số 3	13 746 851 885	6 616 269 181
Cửa Hàng Vật Tư Số 4	343 109 550	27 610 160
Cửa Hàng Vật Tư Số 5	9 783 577 627	8 913 351 540
Cửa Hàng Vật Tư Số 6	2 823 104 285	676 826 813
Cửa Hàng Vật Tư Số 7	1 472 868 858	889 328 879
Trung Tâm Kinh Doanh Vật Tư	3 408 050 000	5 749 750 000
Trung Tâm 33 Yersin	54 480 281	-
Tổng cộng	39 173 961 522	26 874 696 676
Trả trước cho người bán		
Khách hàng trong nước	140 150 000	170 150 000
Tổng cộng	140 150 000	170 150 000
Phải thu khác		
Khách hàng trong nước	50 380 159	87 989 913
Tổng cộng	50 380 159	87 989 913
Tổng các khoản phải thu thương mại và phải thu khác	39 364 491 681	27 132 836 589

4. Hàng tồn kho

	31/12/2009	01/01/2009
1) Giá gốc của hàng hóa tồn kho		
Hàng mua đang đi trên đường		
Cửa hàng số 1	1 004 741 297	5 053 007 371
Cửa hàng số 3	820 994 252	
Cửa hàng số 5	733 596 684	-
Cửa hàng số 6	-	688 217 255
Hàng hóa tồn kho	7 175 491 145	3 827 290 827
Cửa hàng số 1	1 452 125 743	-
Cửa hàng số 2	-	179 700 052
Cửa hàng số 3	275 860 909	-
Cửa hàng số 5	4 128 459 185	926 317 880
Cửa hàng số 7	364 620 000	437 654 500

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Trung tâm TM vật tư Yersin	954 425 308	-
Trung tâm TM Calmette	-	2 252 002 500
Chi phí mua hàng	-	31 615 895
Cộng giá gốc hàng tồn kho	9 734 823 378	9 568 515 453
2) Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(400 000 000)	-
3) Giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.	9 334 823 378	9 568 515 453

* Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cầm cố đảm bảo cho các khoản nợ: không phát sinh

* Giá trị hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm: 0 VND

* Lý do trích thêm hoặc hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: Công ty trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho: 400.000.000 đồng theo Biên bản họp Hội đồng Công ty ngày 31/12/2009 cho những mặt hàng giảm giá trị.

5. Tài sản ngắn hạn khác

	Năm 2009	Năm 2008
5.1 Chi phí trả trước ngắn hạn		
Số đầu năm	28 036 864	86 708 179
<i>Phát sinh trong năm</i>	402 684 981	404 048 746
<i>Trừ: Kết chuyển chi phí trong kỳ</i>	411 920 240	462 720 061
Số cuối năm	18 801 605	28 036 864
5.2 Thuế GTGT còn được khấu trừ		
	31/12/2009	01/01/2009
Thuế GTGT được khấu trừ của hàng hoá dịch vụ	1 209 029 098	428 975 038
Thuế GTGT được khấu trừ của TSCĐ	7 538 554	6 426 234
Tổng cộng	1 216 567 652	435 401 272
5.3 Tài sản ngắn hạn khác	564 575 481	145 822 230
Tạm ứng	66 531 138	52 500 000
Cửa hàng số 3		
<i>Nguyễn Văn Thơ</i>	26 500 000	25 000 000
Cửa hàng số 5		
<i>Nguyễn Văn Việt</i>	-	25 000 000
Cửa hàng số 6		
<i>Đặng Duy Trung</i>	40 031 138	-
<i>Nguyễn Văn Huệ</i>	-	2 500 000
Ký quỹ ngắn hạn	498 044 343	93 322 230
Tổng cộng tài sản ngắn hạn khác	1 799 944 738	609 260 366

6. Tài sản cố định

6.1 Tài sản cố định hữu hình

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

	<u>01/01/2009</u>	<u>Tăng trong kỳ</u>	<u>Giảm trong kỳ</u>	<u>31/12/2009</u>
Nguyên giá	3 557 318 020	-	214 389 647	3 342 928 373
Nhà cửa, vật kiến trúc	2 862 361 352	-	-	2 862 361 352
Phương tiện vận chuyển	538 165 586	-	214 389 647	323 775 939
Máy móc thiết bị	156 791 082	-	-	156 791 082
Khấu hao tích lũy	1 735 358 355	281 076 811	214 389 647	1 802 045 519
Nhà cửa, vật kiến trúc	1 098 458 993	250 813 152	-	1 349 272 145
Phương tiện vận chuyển	538 165 586	-	214 389 647	323 775 939
Máy móc thiết bị	98 733 776	30 263 659	-	128 997 435
Giá trị còn lại	1 821 959 665			1 540 882 854
Nhà cửa, vật kiến trúc	1 763 902 359			1 513 089 207
Phương tiện vận chuyển	-			-
Máy móc thiết bị	58 057 306			27 793 647

* Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố các khoản vay: 0 VNĐ.

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 399.912.105 VNĐ.

* Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 VNĐ.

* Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn chưa thực hiện: không.

6.2 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	<u>31/12/2009</u>	<u>01/01/2009</u>
Trị giá gốc căn nhà 200 Lý Tự Trọng (*)	2 529 000 000	2 529 000 000
Chi phí tư vấn thiết kế (*)	529 500 000	367 800 000
Chi phí khảo sát địa chất (*)	34 100 000	34 100 000
Chi phí kiểm định giá trị nhà 200 Lý Tự Trọng (*)	1 818 182	1 818 182
Chi phí khác	516 656 225	388 278 754
Tổng cộng	3 611 074 407	3 320 996 936

(*) : Đây là khoản chi phí mà Công ty đầu tư xây dựng dự án cao ốc văn phòng cho thuê trên mặt bằng của căn nhà hiện có tại số 202-204 Lý Tự Trọng và mua thêm căn nhà số 200 Lý Tự Trọng, Quận 1, Tp.HCM.

7. Bất động sản đầu tư

	<u>01/01/2009</u>	<u>Tăng trong năm</u>	<u>Giảm trong năm</u>	<u>31/12/2009</u>
Nguyên giá				
Nhà và quyền sử dụng đất	1 818 791 709	-	-	1 818 791 709

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Tổng cộng	1 818 791 709	-	-	1 818 791 709
Khấu hao lũy kế				
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	<i>333 445 200</i>	<i>121 252 800</i>	<i>-</i>	<i>454 698 000</i>
Tổng cộng	333 445 200	121 252 800	-	454 698 000
Giá trị còn lại				
<i>Nhà và quyền sử dụng đất</i>	<i>1 485 346 509</i>			<i>1 364 093 709</i>
Tổng cộng	1 485 346 509			1 364 093 709

8. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Đầu tư dài hạn khác	50 000 000	50 000 000
Trái phiếu chính phủ	50 000 000	50 000 000
<i>Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Giá trị thuần của đầu tư tài chính dài hạn	50 000 000	50 000 000

9. Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2009	01/01/2009
Số dư đầu kỳ	20 236 287	40 472 427
<i>Cộng: phát sinh tăng trong kỳ</i>	<i>63 825 983</i>	<i>-</i>
<i>Trừ: kết chuyển vào chi phí SXKD trong kỳ</i>	<i>43 155 981</i>	<i>20 236 140</i>
Số dư cuối kỳ	40 906 289	20 236 287

10. Nợ ngắn hạn

10.1 Vay ngắn hạn

	31/12/2009	01/01/2009
NH Vietcombank ^(a)	25 563 039 088	11 483 936 274
NH Oricombank ^(b)	6 052 113 905	-
NH Eximbank ^(c)	-	2 204 772 685
NH Eximbank ^(c)	606.676.39 USD #	4 472 603 892
NH HSBC ^(d)	304.563.96 USD #	-
Tổng cộng	48 264 847 962	18 161 312 851

(a) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) - CN TP. Hồ Chí Minh theo hợp đồng tín dụng số 01/CV-0135/KH/09NH ngày 28/05/2009 cùng với các hợp đồng bổ sung cho vay theo hạn mức số 01/CV-0135/KH/09NH ngày 28/05/2009.

- Hạn mức cấp tín dụng: 70.000.000.000 VNĐ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

- Mục đích sử dụng vốn: bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Lãi suất: áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng theo từng lần nhận nợ.
 - Thời hạn cho vay: 06 tháng đối với khoản vay bằng đồng USD và 03 tháng đối với khoản vay bằng VNĐ kể từ ngày nhận nợ vay theo từng lần nhận nợ.
 - Tài sản bảo đảm vay vốn: Vay tín chấp.
- (b) Khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Phương Đông theo hợp đồng tín dụng số 000.09.00966 ngày 09/10/2009.
- Hạn mức cấp tín dụng: 18.000.000.000 VNĐ.
 - Mục đích sử dụng: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Lãi suất: Áp dụng theo thông báo lãi suất của Ngân hàng theo từng lần nhận nợ.
 - Thời hạn cho vay: 03 tháng theo từng lần nhận nợ.
 - Tài sản bảo đảm vay vốn: Vay tín chấp.
- (c) Khoản vay ngắn hạn của NH TMCP XNK Việt Nam (Eximbank) theo hợp đồng tín dụng số 2000-LAV-200903770 ngày 15 tháng 05 năm 2009.
- Hạn mức cấp tín dụng: 5.000.000.000 VNĐ.
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ kinh doanh.
 - Thời hạn cho vay: 03 tháng theo từng lần nhận nợ.
 - Lãi suất: Theo thỏa thuận tại thời điểm giải ngân.
 - Tài sản bảo đảm vay vốn: Vay tín chấp.
- (d) Khoản vay ngắn hạn của NH HSBC theo hợp đồng tín dụng số VNMCPT090795 ngày 25 tháng 08 năm 2009.
- Hạn mức cấp tín dụng: 500.000 USD
 - Mục đích sử dụng vốn: Bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh.
 - Lãi suất: Theo thỏa thuận tại thời điểm giải ngân.
 - Tài sản bảo đảm vay vốn: Thế chấp bằng thép lưu tại Lô A - Kho Bình Chiểu - Quận Thủ Đức.

	31/12/2009	01/01/2009
10.2 Phải trả cho người bán		
Nhà cung cấp trong nước	282 369 150	10 000 000
Nhà cung cấp nước ngoài	32.218 USD #	-
Tổng cộng	856 912 744	10 000 000
10.3 Người mua trả tiền trước		
Nhà cung cấp trong nước	2 039 705 958	956 349 366
Tổng cộng	2 039 705 958	956 349 366
10.4 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước		
	31/12/2009	01/01/2009
Thuế GTGT đầu ra	-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Thuế GTGT hàng nhập khẩu	947 113 838	331 339 545
Thuế xuất, nhập khẩu	349 751 252	277 445 600
Thuế TNDN	708 389 118	19 838 391
Thuế TNCN	13 177 775	3 789 121
Tổng cộng	2 018 431 983	632 412 657

10.5 Phải trả Công nhân viên

	31/12/2009	01/01/2009
Lương cơ bản	110 129 376	85 547 017
Lương khoán theo doanh thu	1 060 277 101	525 856 140
Tổng cộng	1 170 406 477	611 403 157

10.6 Chi phí phải trả

	31/12/2009	01/01/2009
Trích trước tiền thuê đất (*)	178 214 691	309 396 800
Trích trước chi phí vận chuyển - Cửa hàng số 6	40 000 000	-
Tổng cộng	218 214 691	309 396 800

(*): Trích tiền thuê đất cho 3 căn nhà số: 35-Phạm Ngũ Lão, 64-66 Trần Hưng Đạo, 35-37 Yersin.

10.7 Phải trả phải nộp ngắn hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Kinh phí công đoàn	14 463 602	8 268 554
Bảo hiểm xã hội	149 254	-
Bảo hiểm y tế	-	-
Phải trả về cổ phần hoá (cổ phiếu trả chậm)	75 930 000	115 850 000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	50 000 000	-
Phải trả ngắn hạn khác	-	197 021 296
Tổng cộng	140 542 856	321 139 850

11. Nợ dài hạn

11.1 Các khoản phải trả, phải nộp dài hạn khác

	31/12/2009	01/01/2009
Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn	2 195 900 000	206 627 000
Tổng cộng	2 195 900 000	206 627 000

11.2 Dự phòng trợ cấp mất việc làm

	Năm 2009	Năm 2008
Số dư đầu năm	84 419 255	83 390 603
Số trích lập trong kỳ	54 335 868	47 047 852

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Số chi trong kỳ	19 942 200	46 019 200
Số dư cuối năm	118 812 923	84 419 255

12. Vốn chủ sở hữu

12.1 Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu : xem thuyết minh trang 29

12.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Nhà đầu tư	Tỷ lệ	31/12/2009	01/01/2009
Cổ đông Nhà nước	34%	6 762 600 000	6 762 600 000
Vốn góp cổ đông khác	66%	13 237 400 000	13 237 400 000
Cộng		20 000 000 000	20 000 000 000

Các giao dịch về vốn với các CSH và phân phối cổ tức, lợi

	31/12/2009	01/01/2009
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	20 000 000 000	20 000 000 000
+ Vốn góp đầu kỳ	20 000 000 000	20 000 000 000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối kỳ	20 000 000 000	20 000 000 000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	1 400 000 000	1 400 000 000

Cổ phiếu:

	31/12/2009	01/01/2009
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu được phép phát hành và góp vốn đầy đủ	2 000 000	2 000 000
Cổ phiếu thường	2 000 000	2 000 000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	2 000 000	2 000 000
Cổ phiếu thường	2 000 000	2 000 000

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phần.

12.3 Các quỹ của DN

	31/12/2009	01/01/2009
Quỹ đầu tư phát triển	770 434 687	770 434 687
Quỹ dự phòng tài chính	376 360 294	376 360 294
Tổng Cộng	1 146 794 981	1 146 794 981

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ đầu tư phát triển: Tái đầu tư và mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh.

Quỹ dự phòng tài chính: Phòng ngừa những biến động bất thường về tài chính.

Nguồn kinh phí và quỹ khác

	31/12/2009	01/01/2009
Quỹ khen thưởng, phúc lợi		
Quỹ khen thưởng	79 926 130	131 326 130

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Quỹ phúc lợi	1 311 846	113 325 846
Tổng cộng	81 237 976	244 651 976

* Mục đích trích lập và sử dụng các quỹ của doanh nghiệp:

Quỹ khen thưởng: *Thưởng cho cán bộ công nhân viên trong công ty.*

Quỹ phúc lợi: *Chỉ cho các hoạt động phúc lợi trong công ty.*

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2009	Năm 2008
Doanh thu bán hàng thương mại	283 752 701 362	279 719 585 279
Doanh thu bất động sản đầu tư	3 207 892 696	2 597 576 641
Doanh thu khác	137 770 994	96 148 540
Tổng doanh thu	287 098 365 052	282 413 310 460
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	287 098 365 052	282 413 310 460

2. Giá vốn hàng bán

	Năm 2009	Năm 2008
Giá vốn của hàng hoá thương mại	277 455 475 069	271 509 494 670
Chi phí kinh doanh BĐS đầu tư	121 252 800	121 252 800
Tổng cộng	277 576 727 869	271 630 747 470

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Lãi tiền gửi, lãi khách hàng trả chậm	4 491 193 056	5 054 440 768
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	228 200 407	1 430 004 296
Tổng cộng	4 719 393 463	6 484 445 064

4. Chi phí hoạt động tài chính

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí trả lãi vay cho ngân hàng	2 152 708 388	4 728 814 567
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn	106 165 652	1 449 053 070
Lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ	951 829 668	2 287 700 523
Tổng cộng	3 210 703 708	8 465 568 160

5. Thu nhập khác

	Năm 2009	Năm 2008
Thu nhập khác	410 226 268	164 172 572
Cộng	410 226 268	164 172 572

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

6. Chi phí khác

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí khác	13 383 904	2 567 983
Cộng	13 383 904	2 567 983

7. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2009	Năm 2008
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	4 001 934 976	2 974 181 131
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	46 002 840	56 484 962
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Tổng thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế	4 047 937 816	3 030 666 093
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	14%
Thuế thu nhập doanh nghiệp ước tính phải nộp	1 011 984 454	424 293 253
Thuế TNDN được giảm 30% (*)	303 595 336	5 113 070
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	708 389 118	419 180 183

(*): Công ty được giảm 30% thuế TNDN phải nộp theo Thông tư số 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009.

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	3 293 545 858	2 555 000 948
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông.	3 293 545 858	2 555 000 948
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ		
- Từ ngày 01/01/2008 đến 31/12/2008	-	2 000 000
- Từ ngày 01/01/2009 đến 31/12/2009	2 000 000	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1 647	1 278

9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2009	Năm 2008
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	123 518 307	65 556 060
Chi phí nhân công	4 672 346 604	3 814 210 694

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Chi phí khấu hao tài sản cố định	235 749 029	396 115 136
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2 038 372 879	1 332 155 810
Chi phí khác bằng tiền	355 247 507	380 825 652
Cộng	7 425 234 326	5 988 863 352

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng.

- Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua cho thuê tài chính: Không phát sinh.
- Mua và thanh lý công ty con hoặc đơn vị kinh doanh khác trong kỳ báo cáo: Không phát sinh.
- Trình bày giá trị và lý do của các khoản tiền và tương đương tiền lớn do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng do có sự hạn chế của pháp luật hoặc các ràng buộc khác mà doanh nghiệp phải thực hiện: Không phát sinh.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

- Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác: Không phát sinh.
- Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc niên độ: Không phát sinh
- Thông tin về hoạt động liên tục: Trong kỳ và trong tương lai Công ty hoạt động liên tục, không có dấu hiệu gián đoạn.
- Thay đổi chính sách kế toán, ước tính kế toán và các sai sót: Không phát sinh.

Một số chỉ tiêu về tình hình tài chính doanh nghiệp

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009	31/12/2008
<i>*Bố trí cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn</i>			
<i>- Bố trí cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	92,95	88,10
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	7,05	11,90
<i>- Bố trí cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,81	37,81
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	39,10	62,19

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	31/12/2009	31/12/2008
<i>*Khả năng thanh toán</i>			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,64	2,64
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	1,59	2,68

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT TƯ BẾN THÀNH

THUYẾT MINH CÁC BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho niên độ kế toán kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2009

Đơn vị tính: Việt Nam đồng

Khả năng thanh toán nhanh	Lần	0,55	0,59
*Tỷ suất sinh lời			
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên DT	%	1,39	1,05
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu	%	1,15	0,91
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng TS	%	4,27	5,28
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng TS	%	3,51	4,54
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên nguồn vốn chủ sở hữu			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên NVCSH	%	8,96	7,30

TP HCM, ngày 31 tháng 01 năm 2010

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

ĐỖ THỊ HOÀNG NGỌC

TRẦN TẤN HÙNG